**BÀI 8. ĐẶC ĐIỂM THỦY VĂN**

*Môn học: Địa lí 8*

*Thời lượng: 3 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

- Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

-Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện ra vấn đề, đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Trình bày được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức học tập nghiêm túc, ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước sông, hồ, đầm, nước ngầm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí VN.

- Hình 8.1. Bản đồ lưu vực các hệ thống sông ở VN.

- Phiếu học tập, bảng phụ

**2. Học sinh (HS):**

-SGK, vở ghi.

- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử, phần Địa lí.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động Mở đầu (Khởi động) (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống học tập nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV cho HS chơi trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**

\* GV lần lượt đưa hình ảnh về các con sông ở VN và cho các em đoán về tên sông:

A picture of a bridge and a cross

Description automatically generated

A red bowl and calendar

Description automatically generatedA group of images of plants and a cross

Description automatically generated

Sông Cầu Sông Tô Lịch

A group of images of a landscape and a cross

Description automatically generatedA group of images of plants and a cross

Description automatically generated

Sông Đáy Sông Lô

**Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS nhìn hình ảnh đoán tên con sông và sự hiểu biết của bản thân có thể nêu hiểu biết của mình về 1 số con sông này ( nếu có thể)

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

\* Gv nêu thêm kiến thức về 1 số con sông trên..

**Bước 4.** **Kết luận và nhận định.** Qua trò chơi trên phần nào đã phản ánh được Việt Nam là một trong những quốc gia có hệ thống sông ngòi dày đặc, bên cạnh đó nước ta còn có nhiều hồ, đầm và lượng nước ngầm phong phú. Vậy sông ngòi nước ta có những đặc điểm gì? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (105 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu về Đặc điểm sông ngòi (35 phút)**  ***a. Mục tiêu*:** HS nêu được các đặc điểm cơ bản của sông ngòi Việt Nam  ***b. Nội dung*:** Quan sát bản đồ hình 8.1 SGK tr120 hoặc Atlat ĐLVN, các hình ảnh kết hợp kênh chữ SGK tr119-121, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.  ***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.  ***d. Tổ chức thực hiện:***  A map of the country  Description automatically generated | |
| **NHIỆM VỤ 1: CẶP ĐÔI**  **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 8.1 hoặc Atlat ĐLVN, kết hợp thông tin trong bài và kiến thức đã học, trả lời câu hỏi sau:  1. Thế nào là lưu vực sông, hệ thống sông?  2. Xác định trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát bản đồ hình 8.1 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Kết hợp kỹ năng chỉ bản đồ về các lưu vực sông.  *– Lưu vực sông: Là toàn bộ diện tích đất đai cung cấp nước cho sông*  *– Hệ thống sông: bao gồm sông chính cùng với phụ lưu, chi lưu hợp thành hệ thống sông.*  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận:**  \* Sau khi HS có câu trả lời, GV lần lượt gọi xác định các lưu vực sông trên bản đồ.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **NHIỆM VỤ 2: NHÓM**  **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV yêu cầu HS phát biểu về các đặc điểm chính của sông ngòi trong mục 1 Sách giáo khoa.  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 8.1 hoặc Atlat ĐLVN. Chia lớp thành 8 nhóm thảo luận ngắn về đặc điểm của sông ngòi đã nêu  **Nhóm 1,2:**  *Chứng minh mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc.*  **Nhóm 3,4:**  *Chứng minh sông ngòi nước ta có lượng nước lớn, giàu phù sa. Giải thích nguyên nhân.*  **Nhóm 5,6:**  *Xác định trên bản đồ các sông chảy theo hướng TB-ĐN và vòng cung. Vì sao sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng đó?*  **Nhóm 7,8:**  *Chứng minh chế độ nước sông chảy theo 2 mùa rõ rệt. Giải thích nguyên nhân.*    **Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**  \* Nhóm HS quan sát bản đồ hình 8.1 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo,thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, nhóm đối xứng nhận xét.  HS nêu các đặc điểm chính của sông ngòi VN.  - Mạng lưới sông ngòi dày đặc  - Lưu lượng nước lớn, giàu phù sa.  - Phần lớn sông ngòi chảy theo 2 hướng chính.  - Chế độ nước chảy theo 2 mùa rõ rệt.  **Nhóm 1,2.**  Nước ta có 2360 con sông dài trên 10km, mật độ mạng lưới sông khoảng 0,66km/km2, ở đồng bằng là 2-4km/km2, dọc bờ biển nước ta cứ khoảng 20km lại có 1 cửa sông. Nhưng chủ yếu là sông nhỏ, ngắn, dốc.  **Nhóm 3,4:**  - Tổng lượng nước lớn: 839 tỉ m3/năm. Trong đó sông Mê Công chiếm 60,4%.  - Tổng lượng phù sa rất lớn khoảng 200 triệu tấn/năm. Trong đó sông Hồng chiếm 60%.  - Nguyên nhân: ¾ diện tích là đồi núi, dốc nên nước sông bào mòn mạnh địa hình tạo ra phù sa.  **Nhóm 5,6:**  - HS xác định trên bản đồ các sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam: sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Tiền... và vòng cung: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.  - Nguyên nhân: Nguyên nhân: do hướng núi và hướng nghiêng địa hình quy định hướng chảy của sông.  **Nhóm 7,8:**  - Mùa lũ tương ứng với mùa mưa và mùa cạn tương ứng với mùa khô.  + Mùa lũ kéo dài từ 4-5 tháng, chiếm 70-80% tổng lượng nước cả năm.  + Mùa cạn kéo dài từ 7-8 tháng, chiếm 20-30% tổng lượng nước cả năm.  - Nguyên nhân: do chế độ nước sông phụ thuộc vào chế độ mưa, khí hậu nước ta có 2 mùa: mưa, khô nên sông ngòi có 2 mùa: lũ, cạn tương ứng.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV hỏi và mở rộng thêm kiến thức:**  *Giải thích vì sao nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng chủ yếu là sông nhỏ, ngắn và dốc?*  Nguyên nhân: do nước ta có lượng mưa nhiều là nguồn cấp nước chính cho sông, địa hình hẹp ngang, ¾ diện tích là đồi núi, núi lan ra sát biển. | **1. Đặc điểm sông ngòi**  ***a. Mạng lưới sông ngòi dày đặc***  Nước ta có 2360 con sông dài trên 10km, dọc bờ biển nước ta cứ khoảng 20km lại có 1 cửa sông.  ***b. Lưu lượng nước lớn, giàu phù sa***  - Tổng lượng nước lớn: 839 tỉ m3/năm.  - Tổng lượng phù sa rất lớn khoảng 200 triệu tấn/năm.  ***c. Phần lớn sông ngòi chảy theo 2 hướng chính***  Sông chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam (sông Hồng, sông Mã, sông Tiền...)và vòng cung (sông Lô, sông Gâm, sông Cầu...)  ***d. Chế độ nước chảy theo 2 mùa rõ rệt***  Mùa lũ tương ứng với mùa mưa và mùa cạn tương ứng với mùa khô. |
| **Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số hệ thống sông lớn ở nước ta (35 phút)**  ***a. Mục tiêu*:** HS Phân tích được đặc điểm của một số hệ thống sông lớn ở nước ta  ***b. Nội dung*:** **:** Quan sát hình 8.1 SGK tr120, hình 8.2 SGK tr121, bảng số liệu tr122 hoặc Atlat ĐLVN, các hình ảnh kết hợp kênh chữ SGK tr121-122  ***c. Sản phẩm:***sản phẩm thuyết trình của học sinh.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV chia lớp làm 3 nhóm lớn , yêu cầu HS chuẩn bị trước ở nhà để thuyết trình về 3 hệ thống sông lớn ở nước ta.  Các nhóm chuẩn bị, có thể sử dụng sơ đồ tư duy, tranh ảnh minh họa, bản đồ, số liệu thống kê…. để hoàn thành sản phẩm được giao kèm thêm kiến thức mở rộng (thời lượng trình bày 5 phút  1. Nhóm 1 : Sông Hồng  2. Nhóm 2: Sông Thu Bồn  3. Nhóm 3: Sông Cửu Long  **Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS tìm kiếm tư liệu kết hợp SGK để hoàn thiện sản phẩm sáng tạo theo ý muốn  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, các nhóm khác nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.  **Bước 4.** **Đánh giá, nhận định:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. Có thể cho điểm và tuyên dương nhóm làm tốt nhất.  \*GV đặt thêm câu hỏi cuối buổi thuyết trình hoặc lồng ghép từng con Sông vào các nhóm:  Vì sao tháng lũ của 3 con sông trên lại không giống nhau? Gv giảng giải thêm sự khác nhau về mùa lũ cũng như chế độ nước sông của 3 miền Bắc, Trung , Nam... | **2. Một số hệ thống sông lớn ở nước ta**  a. Hệ thống sông Hồng  -Chiều dài: 566km/1126km  - Nơi bắt nguồn: Vân Nam, Trung Quốc, đổ ra biển: cửa Ba Lạt  - Số phụ lưu: 600  - Mùa lũ: từ tháng 6-10, chiếm 75% tổng lượng nước cả năm.  b. Hệ thống sông Thu Bồn  - Chiều dài: 205km.  - Nơi bắt nguồn: vùng núi Trường Sơn Nam, đổ ra biển: cửa Đại  - Số phụ lưu: 80  - Mùa lũ: từ tháng 9-12, chiếm 65% tổng lượng nước cả năm.  c. Hệ thống sông Cửu Long  - Chiều dài: 230km/4300km  - Nơi bắt nguồn: cao nguyên Tây Tạng, Trung Quốc, đổ ra biển 9 cửa: Cửa Tiểu, Cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắc, Trần Đề.  - Số phụ lưu: Khoảng 280 ở VN  - Mùa lũ: từ tháng 7-11, chiếm 75% tổng lượng nước cả năm. |
| **Hoạt động 3. Tìm hiểu về**  **vai trò của hồ, đầm và nước ngầm (30 phút)**  ***a. Mục tiêu*:** HS phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.  ***b. Nội dung*:** Quan sát hình 8.3 SGK tr123 hoặc Atlat ĐLVN và các hình ảnh kết hợp kênh chữ SGK tr122-123, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.  ***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **NHIỆM VỤ 1: NHÓM**  **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV chia lớp thành các nhóm nhỏ tương ứng yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 8.1 hoặc Atlat ĐLVN, hình 8.3 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi theo hình thức khăn trải bàn  *1. Kể tên và xác định các hồ, đầm tự nhiên của nước ta trên bản đồ.*  *2. Kể tên và xác định các hồ nhân tạo của nước ta trên bản đồ.*  *3. Nêu vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất, sinh hoạt và môi trường.*  *4.Nước ngầm là gì? Nêu vai trò của nước ngầm đối với sinh hoạt và với sản xuất.*  **Bước 2.** **thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát bản đồ hình 8.1 hoặc Atlat ĐLVN, hình 8.3 và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận:**  \* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  HS xác định các hồ, đầm tự nhiên: hồ Tây (Hà Nội), hồ Lăk (Đăk Lăk), hồ Ba Bể (Bắc Kạn), đầm Thị Nại (Bình Định), đầm Ô Loan (Phú Yên)...  HS xác định các hồ nhân tạo: hồ Hòa Bình (Hòa Bình), hồ Trị An (Đồng Nai), hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước), hồ Xuân Hương (Lâm Đồng),...  HS nêu vài trò của hồ đầm dựa vào SGK cùng kiến thức thực tế địa phương  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Kết luận, nhận định**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng mục em có biết cho HS**    Hồ Ba Bể cách thành phố Bắc Kạn 70km về phía Tây Bắc, nằm ở trung tâm Vườn Quốc gia Ba Bể, thuộc xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể; phía Đông Bắc giáp xã Cao Trĩ và Khang Ninh; phía Đông Nam giáp xã Nam Cường và xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Đây là một trong những hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Việt Nam. Năm 1995, Hồ Ba Bể đã được Hội nghị Hồ nước ngọt thế giới tổ chức tại Mỹ công nhận là một trong 20 hồ nước ngọt đặc biệt của thế giới cần được bảo vệ. | **3. Vai trò của hồ, đầm và nước ngầm**  ***a. Vai trò của hồ, đầm***  - Đối với sản xuất: nuôi trồng thủy sản, du lịch, thủy điện, điều tiết dòng chảy,...  - Đối với sinh hoạt: cung cấp nước cho người dân.  - Đối với môi trường: điều hòa khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học...  ***b. Vai trò của nước ngầm***  - Đối với sản xuất: cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển du lịch.  - Đối với sinh hoạt: phục vụ sinh hoạt, sức khỏe của người dân. |

**3. Hoạt động luyện tập (15 phút)**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. *Lập sơ đồ thể hiện đặc điểm mạng lưới sông ngòi Việt Nam.*
2. *Trả lời câu hỏi trắc nghiệm*

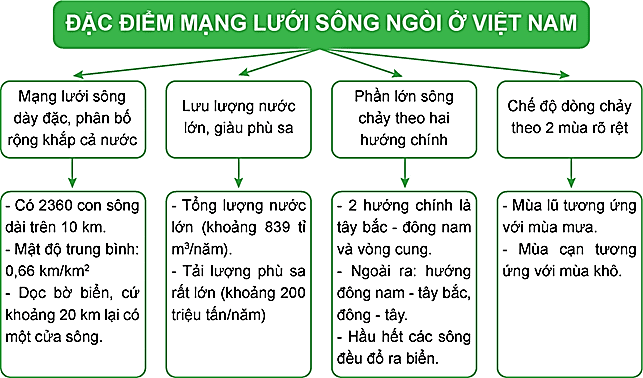
**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1.

2.

**Câu 1:** Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc là do

**A. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn**

B. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng

C. có các đồng bằng rộng, đồi núi dốc

D. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá huỷ

**Câu 2:**Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chủ yếu là:

**A. Tây bắc - đông nam và vòng cung**

B. Tây bắc - đông nam và tây - đông

C. Vòng cung và tây - đông

D. Tây - đông và bắc - nam

**Câu 3:** Chế độ nước của sông ngòi nước ta:

A. Sông ngòi đầy nước quanh năm

B. Lũ vào thời kì mùa xuân.

**C. Hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.**

D. Sông ngòi nhiều nước nhưng càng về hạ lưu thì lượng nước càng giảm.

**Câu 4:**Vùng nào ở nước ta hằng năm người dân phải sống chung với lũ?

**A. Đồng bằng sông Cửu Long**

B. Đồng bằng sông Hồng

C. Đồng bằng Thanh – Nghệ - Tĩnh

D. Đồng bằng duyên hải Miền Trung

**Câu 5:** Ý nghĩa của hồ đầm nối với sông là

A. giảm lưu lượng nước sông.

B. làm giảm tốc độ dòng chảy.

**C. điều hoà chế độ nước sông.**

D. điều hoà dòng chảy sông.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Kết luận, nhận định**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Viết báo cáo ngắn mô tả đặc điểm của sông, hồ hoặc hồ, đầm ở nước ta mà em biết.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS dựa vào kiến thức đã học, tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

Hoàn thành bài làm ở nhà theo nội dung mà GV phân công

**Bước 4.** **Kết luận, nhận định:**

GV dặn dò HS tiết sau trình bày bài làm.